TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2-VĨNH LONG** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V1 NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 253/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 17-08-2026
"*V/v ly hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V1 NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Tam
2. Ông Võ Thanh Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Quyến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long tham gia phiên toà*:** Không.

Trong ngày 17 tháng 08 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2026/TLST-HNGĐ, ngày 04/05/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/07/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 265/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 27/07/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Huỳnh Thị Tường V**, sinh năm 1990 (xin vắng)

Nơi cư trú: ấp A, xã B, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn*: Anh **Trương Thành V1**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp A, xã B, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/04/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Tường V trình bày:

Chị và anh Trương Thành V1 tự tìm hiểu, được cha mẹ hai bên chấp nhận, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quan, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn A, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (*nay là xã B, tỉnh Vĩnh Long*) vào ngày 01/6/2023.

Sau khi kết hôn chị và anh V1 chung sống tại Khóm 1 (*nay là ấp A*), xã B, tỉnh Vĩnh Long, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2025 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do anh V1 không lo làm ăn, tụ tập bàn bè cờ bạc, gây nợ, về nhà thường xuyên kiếm chuyện với chị vô cớ, nhiều lần chị và cha mẹ hai bên khuyên ngăn để anh V1 chăm lo làm ăn nhưng không có kết quả. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Trương Thành V1.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Trong biên bản hòa ngày 05/06/2026*, *bị đơn anh Trương Thành V1 trình bày:*

Anh và chị Huỳnh Thị Tường V tự tìm hiểu, được cha mẹ hai bên chấp nhận, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quan, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn A, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (*nay là xã B, tỉnh Vĩnh Long*) vào ngày 01/06/2023.

Sau khi kết hôn anh và chị V chung sống tại Khóm 1 (*nay là ấp A),* xã B, tỉnh Vĩnh Long, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2025 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng anh có muốn hòa giải để vợ chồng chung sống hòa thuận với nhau, anh còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị V.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh nợ chung, hiện nay anh và chị Huỳnh Thị Tường V còn các khoản nợ chưa trả gồm: Nợ chị Huệ số tiền 210.000.000d; nợ chị Hằng số tiền 350.000.000đ; chị Xuân Hồng số: 160.000.000đ, có giấy mượn nợ. Anh sẽ cung cấp cho Tòa án mời lần sau.

- *Trong đơn xin xét xử vắng mặt ngày 12/05/2026, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Tường V trình bày*: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Trương Thanh V1. Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác và cũng không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về pháp luật tố tụng*:

Nguyên đơn anh chị Huỳnh Thị Tường V khởi kiện yêu cầu ly hôn, nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về "*Ly hôn*"; bị đơn anh Trương Thành V1 cư trú tại xã B, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Tường V có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trương Thành V1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử thống nhất đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về pháp luật nội dung*:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Huỳnh Thị Tường V và anh Trương Thành V1 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn A, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (*nay là xã B, tỉnh Vĩnh Long*) vào ngày 01/06/2023, nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Chị Huỳnh Thị Tường V cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Trương Thành V1, ngược lại, anh Trương Thành V1 cho rằng còn thương vợ, mong muốn đoàn tụ.

Xét thấy, chị V yêu cầu ly hôn, anh V1 không đồng ý, hiện tại vợ chồng chị V, anh V1 đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống, không ai biết ai làm gì, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hai bên đều trình bày được các nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, nhưng chưa hàn gắn, đoàn tụ được, mỗi người sống một nơi, cho thấy vợ chồng không còn tiếng nói chung. Anh V1 muốn đoàn tụ nhưng không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn gia đình để chị V trở về chung sống với anh, cho thấy vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Việc chị V và anh V1 sống ly thân, mỗi người một nơi là đã vi phạm khoản 1, Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*". Hiện tại hôn nhân của hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V được ly hôn với anh V1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: "*... Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng*

quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

[2]. *Về con chung*: Chị Huỳnh Thị Tường V và anh Trương Thành V1 thống nhất khai vợ chồng không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3]. *Về tài sản chung:* Chị Huỳnh Thị Tường V và anh Trương Thành V1 thống nhất khai không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về nợ chung*: Chị Huỳnh Thị Tường V khai không có nợ chung, anh Trương Thành V1 khai có nợ chung và sẽ cung cấp cho Tòa án khi mời. Tòa án đã ra Quyết định số 43/2026/QĐ-CCTLCC, ngày 05/06/2026 và mời bị đơn đến làm việc để công khai chứng cứ và hòa giải ngày 10/07/2026, bị đơn không đến và không có đơn yêu cầu, đồng thời cũng không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho việc vợ chồng có nợ chung, hết thời hạn bị đơn vẫn không thực hiện, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, nếu bị đơn có tài liệu, chứng cứ và có đơn yêu cầu thì xem xét giải quyết trong vụ án khác.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 19, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị Tường V được ly hôn với anh Trương Thành V1.

[2]. *Về con chung*: Không có.

[3]. *Về tài sản chung:* Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị Huỳnh Thị Tường V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007801, ngày 23/04/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và Điều 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long*;
- *VKSND khu vực 2 –Vĩnh Long*;
- *Phòng THADS khu vực 2-Vĩnh Long*;
- *UBND xã B, tỉnh Vĩnh Long*;
- *Các đương sự*;
- *Lưu hồ sơ vụ án*.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bảo